

VẤN ĐỀ TIẾP CẬN CÁC CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA NGƯỜI KHMER (NGHIÊN CỨU TẠI HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH)

NGÔ THỊ PHƯƠNG LAN*

Người Khmer là một tộc người thiểu số ở Việt Nam, cư trú chủ yếu ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Với tỷ lệ hộ nghèo cao và tập trung cư trú ở các vùng nông thôn có điều kiện khó khăn, người Khmer được thụ hưởng nhiều chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước. Nghiên cứu về việc thực hiện chính sách dân tộc tại huyện Trà Cú của tỉnh Trà Vinh, chúng tôi nhận thấy chính sách hỗ trợ đã có nhiều tác động tích cực đến việc nâng cao đời sống của người Khmer. Tuy nhiên, việc ít tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội, rào cản ngôn ngữ tiếng Việt và rủi ro trong sản xuất nông nghiệp là các yếu tố đã hạn chế phần nào tính hiệu quả của việc thực thi các chính sách.

Từ khóa: chính sách dân tộc, người Khmer, rủi ro nông nghiệp, rào cản ngôn ngữ
Nhận bài ngày: 21/3/2017; *đưa vào biên tập:* 25/3/2017; *phản biện:* 20/4/2017; *duyet đăng:* 19/5/2017

1. GIỚI THIỆU

Người Khmer là một cộng đồng dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở các tỉnh phía Nam. Theo thống kê của Việt Nam, hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh có người Khmer tập trung đông nhất (Tổng cục Thống kê 2009). Trong 54 dân tộc anh em cư trú trên dải đất Việt Nam, người Khmer cùng với người Việt, người Hoa và người Chăm sống tập trung ở đồng bằng. Các nhóm dân tộc thiểu số khác chủ yếu cư trú ở các vùng trung du và miền núi (Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn

Tiếp, Nguyễn Văn Diệu 1997). Nhiều nghiên cứu cho thấy là mặc dù sống trong điều kiện thiên nhiên ưu đãi nhưng người Khmer thường được hình dung gắn liền với sự đói nghèo, di dân, học vấn thấp... (Taylor 2007, 2014; Huỳnh Trương Huy 2009: 12).

Tính đặc sắc và đặc thù của văn hóa - xã hội người Khmer đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Trong đó một số nghiên cứu đã quan tâm đến đời sống kinh tế - xã hội và các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Khmer. Nông nghiệp là hoạt động mưu sinh quan trọng của người Khmer, nên các nhà nghiên cứu thường quan tâm đến hoạt động trồng lúa và hoa màu, vấn

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

đề đất đai và đói nghèo: *Một số vấn đề kinh tế - xã hội vùng nông thôn Khmer Đồng bằng sông Cửu Long* (Phan An - 1981); *Một số kết quả thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào Khmer tỉnh Cần Thơ* (Nguyễn Thanh Thủy); *Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* (Võ Văn Sen - 2010); *Biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng người Chăm và Khmer tại TP HCM* (Khoa Nhân học - 2006); *Thực trạng kinh tế - xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer tỉnh Sóc Trăng* (Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiếp - 2003); *Dân tộc Khmer Nam Bộ* (Phan An - 2009)... Ở các công trình này, các chiến lược sinh kế của người Khmer thường được miêu tả hay phân tích một cách chuyên biệt và thường ở tầm vĩ mô. Các nghiên cứu chính sách đã ít nhiều chú trọng các chủ đề phát triển kinh tế, đất đai, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc: *Một số vấn đề kinh tế - xã hội vùng nông thôn Khmer Đồng bằng sông Cửu Long* (Phan An - 1981); *Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* (Võ Văn Sen - 2010); *Vấn đề tranh chấp đất đai sản xuất của đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long: 1988-2006* (Trần Đăng Kế - 2007); *Xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở vùng dân tộc Khmer tỉnh An Giang* (Mạch Thị Khánh Trinh - 2009). Một

số công trình tập trung vào nghiên cứu lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc thực thi chính sách dân tộc đối với người Khmer ở các địa phương: *Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lãnh đạo thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào Khmer (1992-2010)* (Võ Hữu Ngọc - 2012); *Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer từ 1992 đến 2012* (Nguyễn Thị Diễm My - 2013); *Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lãnh đạo quá trình thực hiện chính sách dân tộc đối với người Khmer* (Lê Thị Út Thanh - 2009).

Các công trình nghiên cứu đã cho thấy trong quá trình phát triển, Đảng và chính phủ Việt Nam rất quan tâm đến đời sống của các dân tộc thiểu số, trong đó có người Khmer, để đảm bảo cho họ có được cơ hội bình đẳng với dân tộc đa số sinh sống trong cùng vùng miền. Trong thời gian qua đã có rất nhiều chính sách được thực thi ở các vùng nông thôn, vùng có điều kiện khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và đã đạt được nhiều thành tựu nhất định. Tuy nhiên, qua công tác khảo sát cộng đồng người Khmer ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh, thì thấy người dân còn tiếp cận một cách hạn chế đối với các chính sách, vì vậy việc thực thi các chính sách còn ít hiệu quả.

2. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu sử dụng trong bài viết là kết quả khảo sát thực địa được tiến hành

từ tháng 6 - 7/2016, tại bốn xã của huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, bao gồm xã Ngọc Biên, Tân Hiệp, Long Hiệp và Đại An. Việc lựa chọn huyện Trà Cú do đây là một huyện có đông người Khmer (chiếm 67% dân số toàn huyện vào năm 2015) trong tỉnh. Các xã được chọn khảo sát cũng là những xã có đông người Khmer nhất trong huyện. Bên cạnh nghiên cứu tại cộng đồng khảo sát, chúng tôi cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu đa điểm (multi-sites) để tìm hiểu tình hình di dân của người Khmer. Theo đó chúng tôi sẽ theo chân những người dân tại địa bàn chúng tôi khảo sát ở tỉnh Trà Cú di cư đến TPHCM hay tỉnh Bình Dương, hai địa bàn có đông người Khmer đến làm việc, sinh sống. Chúng tôi đã dùng phương pháp phỏng vấn sâu và quan sát tham dự để tìm hiểu về sinh kế và các vấn đề liên quan của người dân Khmer ở huyện Trà Cú. Tổng cộng chúng tôi đã phỏng vấn 125 người tại các điểm nghiên cứu. Các câu hỏi phỏng vấn xoay quanh các chủ đề về sinh kế, sự biến đổi văn hóa và tác động của chính sách. Ngoài ra, chúng tôi cũng quan sát các hoạt động sinh kế của người dân, các sinh hoạt của họ trong cộng đồng với người đồng tộc hay dị tộc; và quan hệ với chính quyền địa phương. Do người Khmer hiện nay đã có sự hội nhập sâu rộng với người Việt, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế và sinh hoạt hàng ngày nên chúng tôi có thể giao tiếp và phỏng vấn người Khmer bằng tiếng Việt.

3. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Trà Cú là huyện nghèo vùng sâu của tỉnh Trà Vinh, cách trung tâm tỉnh lỵ 34km, nằm trên hai tuyến quốc lộ 53 và 54, phía đông giáp huyện Cầu Ngang, phía bắc giáp huyện Tiểu Cần và huyện Châu Thành, phía nam giáp huyện Duyên Hải, phía tây giáp sông Hậu – ranh giới tự nhiên ngăn cách với huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Huyện Trà Cú có nhiều giồng cát, là nơi tụ cư chủ yếu của người Khmer. Cư trú trên giồng cát là hình thức cư trú đặc trưng của tộc người Khmer. Ở các địa bàn chúng tôi khảo sát đặc biệt là ở xã Đại An và Ngọc Biên, người Khmer cư trú dọc theo các giồng cát và bao bọc xung quanh là các ruộng lúa. Trên các con đường dọc theo giồng cát này người dân trồng rất nhiều tre để tạo bóng mát và lấy nguyên vật liệu cho các nghề thủ công. Trà Cú có khoảng 20km đất nằm cặp theo sông Hậu với cửa biển Định An, một trong các cửa sông đổ ra biển của dòng sông Mekong. Đây là nơi neo đậu tàu thuyền đánh bắt cá. Địa bàn Trà Cú có nhiều sông rạch và hệ thống thủy lợi. Toàn huyện có 17 xã, 2 thị trấn⁽²⁾, 138 ấp, khóm, trong đó có 6 xã nghèo, 3 ấp đặc biệt khó khăn; 4 xã bãi ngang và 3 xã khu vực II⁽³⁾. Trước tháng 5/2015, Trà Cú có diện tích tự nhiên rộng 369,92km². Sau khi tách hai xã Đôn Châu và Đôn Xuân sang huyện Duyên Hải, diện tích huyện Trà Cú còn 312,42km² với dân số

155.147 người, tính theo số hộ là 39.135 hộ trong đó người Khmer có 24.304 hộ, chiếm 60,41% số dân; mật độ dân số 497 người/km² (Cục Thống kê Trà Vinh 2016: 1). Cư dân trong độ tuổi lao động chiếm 66,89%, đa số lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm trên 76%, trong công nghiệp và xây dựng là trên 12%, dịch vụ thương mại là trên 9%; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt khoảng 17%.

Do ở gần cửa biển nên Trà Cú cũng là nơi chịu ảnh hưởng của quá trình xâm nhập mặn từ các cửa biển tại các khu vực Rạch Trà Cú, Tổng Long và Hàm Ray. Vào thời điểm năm 2015, khi diện tích tự nhiên huyện là 376,45km², thì diện tích đất nông nghiệp là 291,47km² (chiếm 77%), trong đó đất trồng lúa là 174.61km² (chiếm 60%), đất nuôi trồng thủy sản là 27,70km² (chiếm 9,5%) (Cục Thống kê Trà Vinh 2016: 22). Điều này cho thấy, nông nghiệp và đặc biệt là trồng lúa có vai trò quan trọng

trong đời sống của các cư dân tại đây.

Điều kiện tự nhiên và xã hội có những hạn chế, cộng với trình trạng thiếu đất sản xuất đã ảnh hưởng đến kinh tế của huyện. Vào năm 2013, thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho thấy Trà Cú là một trong hai huyện nghèo nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long với tỷ lệ hộ nghèo 24,35%⁽⁴⁾.

Do là địa bàn cư trú của đông đảo người Khmer, Trà Cú có hơn 40 ngôi chùa có kiến trúc đặc trưng của Phật giáo Theravada và tộc người Khmer, trong đó chùa Nodol hay còn gọi là Giồng Lớn (hay Chùa Cò) là nơi thu hút được nhiều khách đến tham quan và chiêm bái.

Những đặc điểm của huyện Trà Cú là vùng có đông người dân tộc Khmer sinh sống, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp có hiệu suất thấp và có tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc cao được phản ánh rõ ở các địa bàn nơi chúng tôi nghiên cứu sâu.

Bảng 1. Đặc điểm 4 xã được khảo sát năm 2015.

	Đại An	Ngọc Biên	Long Hiệp	Tân Hiệp	Huyện Trà Cú
Diện tích tự nhiên (km ²)	12,53	24,25	15,98	23,37	312,42
Diện tích nông nghiệp (km ²)	8,86	21,89	14,49	22,78	291,47
Diện tích trồng lúa	5,65	16,83	11,68	18,76	174,61
Diện tích nuôi trồng thủy sản	2,38	0,53	0,03	0,09	27,70
Tỷ lệ hộ người Khmer (%)	74,55	86,41	86,88	83,35	62,37
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	18,61	21,55	21,70	28,88	15,28
Tỷ lệ hộ nghèo là người Khmer (%)	83	86,80	83,98	86,51	--

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Trà Cú, tháng 6/2016.

Qua các đặc điểm khái quát trên chúng ta thấy Trà Cú là một huyện tập trung đồng bào dân tộc sống bằng nông nghiệp điển hình và đang gặp khó khăn trong phát triển. Do vậy, Đảng và Nhà nước từ trung ương đến địa phương đã có nhiều chính sách hỗ trợ để thúc đẩy sự phát triển của vùng nông thôn người dân tộc này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI KHMER

Để hiểu bối cảnh đời sống kinh tế - xã hội của người Khmer, thì việc tìm hiểu chính sách và thực thi chính sách của Nhà nước đối với huyện cũng là một khía cạnh quan trọng. Đặc biệt là những chính sách xã hội dành cho các đối tượng dễ bị tổn thương như người nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

Chính sách xã hội (CSXH) là một trong những biện pháp cơ bản để giải quyết các vấn đề xã hội. Mục tiêu của CSXH là đem lại công bằng về mọi mặt cho mọi tầng lớp nhân dân. Chính sách xã hội có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, CSXH là các chính sách dành cho tất cả mọi tầng lớp nhân dân ví dụ như chính sách dân số, chính sách lao động việc làm..., và theo nghĩa hẹp CSXH là các chính sách đối với từng đối tượng cụ thể, như phụ nữ, người già, trẻ em, người có công với cách mạng... (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 1993: 19). Chính sách dân tộc

và chính sách phát triển đối với người Khmer được khảo sát trong bài này là chính sách xã hội hiểu theo nghĩa hẹp.

Mặc dù cộng cư với người Kinh và người Hoa, người Khmer ở huyện Trà Cú vẫn là đối tượng được thụ hưởng nhiều chính sách hỗ trợ, do cộng đồng này có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao. Vào năm 2015, nếu tính toàn tỉnh thì số hộ nghèo của người Khmer là 12.072 hộ, chiếm 14,13% tổng số dân người Khmer và chiếm 59,13% tổng số hộ nghèo của toàn tỉnh. Tại các xã khảo sát, tỷ lệ hộ nghèo người Khmer cao nhất là 86,80% (xã Ngọc Biên) và tỷ lệ thấp nhất là 83,00% (xã Đại An). Có nghĩa là đại bộ phận các hộ người Khmer ở đây là hộ nghèo. Vì thế, từ năm 2005 đến năm 2015, Trà Vinh đã thực hiện tổng cộng hơn 30 chính sách cấp quốc gia và cấp tỉnh (trong đó có 26 chính sách cấp quốc gia cụ thể) để hỗ trợ người Khmer (Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh 2016). Nhờ những chính sách này, điều kiện sống của người Khmer đã có sự cải thiện đáng kể. Chẳng hạn như, Chương trình 135 (thực hiện theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào năm 1998) đã cải thiện rõ nét cơ sở hạ tầng ở các vùng nông thôn của tỉnh Trà Vinh, trong đó có huyện Trà Cú. Các con đường và cầu mới làm hay nâng cấp kiên cố đã tạo điều kiện cho người dân có thể đi lại dễ dàng, giúp họ đến với các dịch vụ mà trước đây phải rất khó khăn mới

tiếp cận được: như chợ, trường học, trạm xá, bệnh viện, ruộng lúa... Các chương trình khác thì hỗ trợ người Khmer nghèo dưới nhiều hình thức⁽⁵⁾, như hỗ trợ xây dựng nhà ở (nhiều giai đoạn); cấp nước sinh hoạt, vay vốn sản xuất, hỗ trợ đất ở và đất sản xuất, trợ giá giống cây con, hỗ trợ lúa giống, muối iốt và tiền mặt, thiết lập mạng lưới điện, hỗ trợ nhà ở và xây nhà, công nhận và chăm sóc người có uy tín, cử tuyển vào đại học, cao đẳng, trung học, dạy học tiếng Khmer... Bên cạnh đó chính quyền còn dành cho huyện Trà Cú nhiều dự án, như dự án xây nhà hỏa táng, dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, dự án đào tạo nghề nông nghiệp, chính sách về tôn giáo, chính sách đối với cán bộ là người dân tộc Khmer... (Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh 2016)...

Kết quả thực hiện các chính sách này của tỉnh Trà Vinh và huyện Trà Cú cho thấy tầm quan trọng của chính quyền trong việc thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo sự bình đẳng và công bằng cho người dân.

5. SỰ TIẾP CẬN CỦA NGƯỜI KHMER VỚI CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Như vậy, các chương trình hỗ trợ của chính quyền cho người dân trong huyện khá toàn diện, từ các nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, nhà ở, đường sá... đến phát triển sản xuất nông nghiệp - phi nông nghiệp. Để tăng cường sự chủ động, tự lực của người nghèo, các chương trình hỗ trợ thường được thực hiện với vốn đối

ứng từ phía người dân.

Trong các chương trình cho vay vốn làm ăn ở huyện Trà Cú thì chương trình cho vay nuôi bò mang đến cho các hộ người Khmer sự thụ hưởng nhiều nhất. Chương trình cho vay hoạt động khá hiệu quả, nhất là ở những nơi các hội đoàn quản lý nguồn vốn vay một cách tích cực. Cụ thể như ở khóm 6 thị trấn Định An, người dân có nhiều nguồn vốn để vay, như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên. Trong hộ gia đình ai tham gia hội nào thì vay bên hội đó và tùy tính chất công việc sẽ chọn hội để vay cho phù hợp. Ví dụ đăng ký vay vốn trồng trọt hay chăn nuôi thì sẽ vay bên Hội Nông dân, nếu đăng ký vay để làm những công việc nông nhàn có liên quan đến phụ nữ thì vay bên Hội Phụ nữ; hoặc nếu có tham gia Đoàn Thanh niên thì có thể vay vốn từ dự án của thanh niên. Chẳng hạn dự án nuôi bò của Đoàn Thanh niên. Nếu cần một con bò giá 8 triệu, Bí thư đoàn khóm, áp kiểm tra thấy nếu người muốn vay là người chăm chỉ làm việc họ sẽ đề nghị cho vay. Trưởng khóm 6 cho biết “không ai gặp khó khăn trong việc vay vốn, cũng không phân biệt tộc người Khmer hay Việt, nếu nông dân nghèo nhưng có kế hoạch chăn nuôi hay sản xuất là vay được”. Để có vốn ngày càng nhiều, người dân buộc phải giữ uy tín về việc trả nợ đúng hạn cả lời lẫn gốc, vì như thế họ sẽ được xem xét cho vay đợt sau nhiều hơn. Số tiền các hội cho vay cũng có sự khác biệt tùy theo từng chương

trình chính phủ giao cho các hội quản lý. Tại khóm 6, thị trấn Định An, trong khi Hội Phụ nữ chỉ có thể cho vay 10 triệu thì Hội Nông dân có thể cho vay đến 50 triệu. Hàng tháng vào các ngày 27 và 28, người quản lý vốn đến nhà các hộ thu lãi; sau khi thống kê xong, ngày 29, họ sẽ nộp lại cho cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội tại Ủy ban Nhân dân thị trấn. Việc thu hồi vốn tại khóm 6 rất hiệu quả do chính quyền địa phương áp dụng cách xoay vòng vốn và xác định đúng đối tượng cho vay. Ví dụ, đến thời hạn trả vốn nhưng các hộ dân không có tiền mặt để trả (thường từ 5 đến 10 triệu), những người có trách nhiệm quản lý nguồn vốn sẽ tìm người cho họ mượn tiền trong vòng ba ngày để đáo hạn ngân hàng. Hoặc là người dân tự chủ động tìm nguồn vốn đáo hạn ngân hàng. Khi trả cho ngân hàng xong, người vay có thể vay lại số tiền từ ngân hàng và trả lại cho người họ mượn tạm. “Lãi suất mà họ lấy là 1 triệu ăn 10.000 đồng/ngày nhưng mình vay khoảng ba ngày thì ngân hàng cho vay lại rồi. Như vậy, tôi vay 20 triệu thì mỗi ngày phải trả là 200.000 đồng, ba ngày thì mất 600.000 đồng. Những người cho vay bên ngoài này cũng là người Khmer, họ có ruộng đất nhiều, thu nhập của họ cao, họ luôn có tiền sẵn ở nhà” (Thạch T.Q, nữ, 40 tuổi, người Khmer, nhà không có đất, sinh sống bằng nghề làm thuê, vay để nuôi bò, xã Ngọc Biên).

Để có thể vay được nguồn vốn với lãi suất hỗ trợ cho các hộ nghèo, người

dân phải dựa vào vai trò của các hội đoàn. Khi có nguồn vốn vay, các chi hội và chi đoàn thông báo cho các thành viên. Sau đó Ban Tự quản ấp sẽ tổ chức một cuộc họp dân (ở Định An là họp ở chùa Sêray Potchum Cumpy Sakô) để thông báo các vấn đề như đối tượng được vay, số tiền được vay, số lãi phải trả, hình thức trả vốn, trả lãi, ai là người đi thu lãi mỗi tháng. Các tổ trưởng phụ trách vay vốn của các hội đoàn cũng là Chi hội trưởng Hội Phụ nữ, Hội Nông dân hay Bí thư Đoàn Thanh niên ở các địa bàn cư trú. Họ là người hướng dẫn trực tiếp cho các hộ nông dân hoàn thành thủ tục xin vay vốn. Sau đó các chi hội đem hồ sơ lên Ủy ban Nhân dân thị trấn/xã để Chủ tịch Hội Nông dân, Hội Phụ nữ hoặc Bí thư Đoàn Thanh niên ký tên, đóng dấu xác nhận để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay. Trong một gia đình, các thành viên có thể vay vốn từ nhiều nguồn như người chồng vay của Hội Nông dân, người vợ vay của Hội Phụ nữ, và người con vay của Đoàn Thanh niên. Tuy nhiên, do cùng thụ hưởng từ Ngân hàng Chính sách xã hội nên các hội đoàn này luôn có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong quản lý nguồn vốn vay. Vì vậy, nếu hộ dân thiếu nợ bên Hội phụ nữ, họ phải trả xong mới được vay từ nguồn vốn của Hội nông dân.

Việc cho vay vốn đúng mục đích đã giúp người Khmer làm kinh tế rất hiệu quả. Anh Thạch P, 48 tuổi, ấp Giồng Cao, xã Ngọc Biên làm nghề mộc cho biết: “Gia đình trước đây có vay vốn

theo diện Hội Phụ nữ. Khi gia đình có yêu cầu vay vốn, cô Lan chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ ấp Giồng Cao đến nhà tìm hiểu mục đích vay của gia đình tôi và giải thích cách thức vay vốn. Tiền vay mang về nhà mua được một con bò và một số cây tươi dùng để đóng vật dụng. Vay được 30 triệu trong thời gian 5 năm phải trả xong tiền lãi lẫn vốn. Hàng tháng cô Lan đến nhà thu lãi, mỗi tháng tôi đóng 213.500 đồng cho 30 triệu. Tôi chưa đến thời hạn phải trả vốn. Trước đây Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà ở với số tiền là 8 triệu, tôi vay thêm 6 triệu nữa mới đủ tiền cất nhà. Tổng cộng bây giờ tôi thiếu nhà nước 36 triệu”.

Tuy nhiên, hoạt động vay vốn này không phải ở đâu cũng diễn ra tốt đẹp như trường hợp trên. Do cả yếu tố chủ quan của người vay và do sự quản lý nguồn vốn vay. Báo cáo từ tỉnh và các địa phương cũng chỉ ra một số các hạn chế trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo và người dân tộc. Chẳng hạn như hạ tầng kinh tế - xã hội mặc dù được đầu tư, phát triển nhanh nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế đời sống của nhân dân; số hộ Khmer nghèo không đạt sản xuất, thiếu việc làm (việc làm không ổn định) còn nhiều; việc thu hồi nợ từ các nguồn vốn vay trong đồng bào dân tộc còn hạn chế, tỷ lệ nợ quá hạn còn cao; công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc

và sự quản lý từng lúc còn thiếu kịp thời, chưa đầy đủ, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện; giáo dục - đào tạo phát triển chậm, mặt bằng dân trí trong đồng bào dân tộc Khmer còn thấp, cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của đồng bào dân tộc còn hạn chế; quản lý nhà nước Nhà nước về văn hóa, dân tộc chưa toàn diện, chưa sát với thực tiễn, nhiều lĩnh vực văn hóa dân tộc còn bỏ ngỏ, các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc tồn tại tự phát, thiếu bền vững, định hướng hoạt động chưa rõ ràng; một số phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp có chiều hướng mai một dần; đội ngũ cán bộ công chức, cán bộ chủ chốt là người dân tộc Khmer còn chiếm tỷ lệ thấp so với tỷ lệ dân số; việc quy hoạch, đào tạo cán bộ dân tộc từng lúc, từng nơi chưa đảm bảo liên tục. Một bộ phận đồng bào Khmer chưa thông thạo tiếng và chữ phổ thông nên tiếp thu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc hầu hết chưa qua đào tạo chuyên sâu về công tác này làm ảnh hưởng đến việc triển khai, quán triệt và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn (Ủy Ban Nhân dân huyện Trà Cú 2016, Ủy Ban Nhân dân xã Ngọc Biên 2015).

Nguyên nhân của các hạn chế này được các cấp chính quyền phân tích là do huyện Trà Cú là huyện nghèo nhất; trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và thu nhập bình

quần đầu người còn thấp, phát triển kinh tế chủ yếu là nông nghiệp; cán bộ nhận thức về công tác dân tộc, tôn giáo thiếu toàn diện; một bộ phận nhân dân vùng đồng bào dân tộc còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, ý thức tự lực, vươn lên chưa cao; công tác tuyên truyền, triển khai, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về dân tộc chưa được sâu rộng trong nội bộ Đảng và ngoài quần chúng nhân dân; năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc còn hạn chế, từng lúc chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quản lý Nhà nước về dân tộc trong tình hình mới. Công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về dân tộc thiếu tính thường xuyên (Ủy ban Nhân dân huyện Trà Cú 2016).

Bên cạnh những nguyên nhân trên, ở mức độ nghiên cứu cụ thể, chúng tôi còn thấy các nguyên nhân khác ảnh hưởng đến tính hiệu quả của quá trình thực thi các chính sách, bao gồm: sự hạn chế tham gia vào các tổ chức xã hội chính trị của người Khmer; rào cản ngôn ngữ, và đặc biệt là rủi ro trong nông nghiệp.

- Sự tham gia hạn chế vào các tổ chức chính trị xã hội của người Khmer

Kết quả khảo sát cho thấy, để quản lý các nguồn vốn vay, chính quyền thường thông qua các tổ chức đoàn thể ở địa phương, chủ yếu là Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Đoàn Thanh niên. Đối với hộ nghèo, tuy là

đối tượng thụ hưởng của chính sách xã hội và đã có nhiều chính sách ưu đãi dành cho đối tượng này, nhưng để quản lý hiệu quả nguồn vốn vay, một điều kiện bắt buộc là họ phải tham gia các tổ tiết kiệm và vay vốn của các tổ chức xã hội tại địa phương. Mặc dù số đông người Khmer, cũng biết đến sự tồn tại của các hội trên và việc cho vay vốn, nhưng họ không “biết cách nào” để tiếp cận. Họ chỉ ngồi chờ “được kêu” đăng ký hay làm các thủ tục nếu đến lượt. Trong tâm thế một số người Khmer, họ luôn có mặc cảm “nghèo,” “không biết”, nên “sợ” không ai cho vay. Thậm chí đối với các hộ là thành viên của các hội và được thụ hưởng chính sách vay vốn như chị Kim T.T (40 tuổi ở xã Tân Hiệp) được vay 5 triệu từ Hội Phụ nữ của ấp nhưng toàn bộ quá trình từ lúc làm hồ sơ đến lúc được vay chị đều nhờ “làm giùm” vì cả hai vợ chồng không biết chữ, “chỉ lặn tay”. Chị không biết rõ về hoạt động của các Hội Phụ nữ. Chị chỉ biết là “gia đình nghèo và được vay”. Số khác dù biết có sự tồn tại của các hội tại địa phương, nhưng họ chưa quan tâm, vì họ nghĩ các hội này không thể giúp giải quyết các vấn đề cấp thiết của họ hiện nay: “Vay tiền cũng không biết để làm gì vì nhà đâu có đất”. Đa số người Khmer chúng tôi phỏng vấn, những người biết về sự hiện diện của các hội đoàn ở địa phương đều cho là “vào hội để được vay”. Do ít tham gia và thụ động khi tiếp cận với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, nên

người Khmer không đủ, hay không biết các tiêu chuẩn để hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước. Khi tiếp xúc với người Khmer, đặc biệt là những hộ nghèo hay không biết chữ, họ thường có tâm trạng tự ti. Các từ họ hay dùng trong cuộc trao đổi là “không biết,” “chịu cực,” “không dám,” “nghèo,” “học không nổi”... Trong cái nhìn của các nhà quản lý thì họ “không rành,” “thật thà,” “chân thật,” “hiền lành,” “chịu khó,” nhưng “ỷ lại,” “trông chờ,” “hạn chế,” “không biết gì hết.” Trong cái nhìn của người Việt thì: “Cái cách tính toán làm ăn của người Khmer thì có người tính giỏi lắm, có người hạn chế, phần đông còn hạn chế. Cuộc sống của họ còn vất vả lắm” (Nguyễn C.Đ, 33 tuổi, người Kinh, nuôi bò giống, xã Tân Hiệp).

Ngoài ra, lý do khác dẫn đến sự hạn chế tham gia các tổ chức chính trị - xã hội của người Khmer ở địa phương còn do họ thua lỗ trong sản xuất nông nghiệp, hoặc không có đất không có việc làm gì khác tại địa phương nên đã di cư đi nơi khác làm ăn. Việc này khiến cho họ không thể hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ của địa phương.

- Rào cản ngôn ngữ tiếng Việt

Theo đánh giá của những người làm quản lý giáo dục, người Khmer từ xưa đến nay đều khuyến khích con cháu đi học. Việc này thể hiện rõ nhất là truyền thống đi tu trong chùa để học hỏi kiến thức cũng như các phong tục tập quán và hành vi ứng

xử trong gia đình và xã hội. Hiện nay, mặc dù hệ thống giáo dục phổ thông đã phát triển, các gia đình vẫn thường tận dụng thời gian ba tháng hè để gửi con em vào chùa tu học.

Khó khăn kinh tế thường được cho là lý do của việc bỏ học hay đi học trễ của trẻ em người Khmer. Tuy nhiên, một lý do khác cũng khá quan trọng đó là rào cản về ngôn ngữ, cụ thể là tiếng Việt. Hiện nay, các chương trình giáo dục từ mầm non trở lên đều được giảng dạy bằng tiếng Việt. Điều này đã gây nhiều khó khăn cho các học sinh người Khmer, đặc biệt là các em ở vùng sâu ít có điều kiện giao lưu với người Việt trong cuộc sống hàng ngày. Trong học tập, các em học sinh người Khmer cũng được đánh giá là có năng lực. Nguyên Hiệu trưởng một trường trung học cơ sở cho biết: “Lúc còn đi dạy tôi thấy nhiều học sinh Khmer học vượt trội, đến bây giờ số học sinh đó thành đạt trong học tập, đi dạy ở các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh” (Thạch T, 70 tuổi, người Khmer, nguyên Hiệu trưởng trường trung học cơ sở).

Tuy nhiên, bức tranh về giáo dục ở cộng đồng người Khmer vẫn là một gam màu tối, nhất là ở những địa bàn mà đại bộ phận cư dân người Khmer có điều kiện sống khó khăn. Nghiên cứu của Phan Thái Bích Thủy (2014) cho thấy số lượng học sinh Khmer ở An Giang giảm đi theo sự tăng dần của cấp học là do rào cản về ngôn ngữ. Học sinh người Khmer gặp khó

khăn trong việc tiếp thu kiến thức bằng tiếng Việt và thường bỏ học khi chuyển từ cấp tiểu học sang cấp trung học cơ sở do không theo nổi chương trình học. Sau khi bỏ học những học sinh này bắt đầu con đường mưu sinh sớm, đi làm những công việc không cần sử dụng nhiều tiếng Việt. Khi phỏng vấn một số công nhân người Khmer trong độ tuổi 20-30 đang làm việc tại Bình Dương, rất nhiều người trong số họ không biết chữ tiếng Việt hay chỉ biết rất hạn chế, giao tiếp bằng tiếng Việt cũng gặp nhiều khó khăn. Việc không thông thạo chữ phổ thông cũng hạn chế cơ hội nghề nghiệp của họ ngay tại địa phương. Một công nhân làm ở xí nghiệp giày da Mỹ Phong cho biết lý do cô đi làm công nhân là “tại vì mình không biết chữ mình làm công nhân, còn người ta biết chữ người ta vô làm chỗ khác, đi làm văn phòng, người ta biết chữ người ta làm hơn mình. Vì ngày trước mình học tới lớp 3 rồi bỏ học” (K.C, nữ, 33 tuổi, xã Long Hiệp).

Ở Trà Vinh nói chung và Trà Cú nói riêng, có những khu vực người Khmer sống thành cộng đồng khép kín. Họ sử dụng tiếng Khmer trong sinh hoạt hàng ngày. Do vậy, trong các cuộc họp về kỹ thuật khuyến nông mới hay vay vốn làm ăn, phải sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học và được truyền thụ bằng tiếng Việt, người Khmer thấy khó khăn trong việc tiếp thu. Kết quả là họ không chủ động tham gia các chương trình vì

“không biết tính toán”, vì “các kiến thức phức tạp”. Việc không nắm vững các kỹ thuật mới cũng làm giảm hiệu quả canh tác của người Khmer. Như vậy, rào cản ngôn ngữ tiếng Việt đã khiến người Khmer khó vươn tới học vấn cao, khó tìm được việc làm tốt và cũng cản trở họ trong việc tiếp nhận các chương trình hỗ trợ của nhà nước.

- Rủi ro trong sản xuất nông nghiệp

Trong quá trình thực thi các chính sách với người Khmer, đặc biệt là chính sách vay vốn để phát triển kinh tế, thường xuất hiện một trở ngại, đó là rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. Trường hợp vay vốn nuôi bò vốn rất phổ biến ở huyện Trà Cú là một ví dụ điển hình. Người Khmer vay vốn nuôi bò như là một hình thức để tích lũy tài sản. Thế nhưng giá bò giống và bò thịt thường xuyên tăng giảm theo nhu cầu của thị trường làm cho phương cách tích lũy duy nhất này gặp nhiều rủi ro. Ví dụ năm 2006, tỉnh Trà Vinh triển khai dự án xóa đói giảm nghèo bằng nuôi bò sinh sản với tổng dự nợ Ngân hàng Chính sách xã hội cho hộ nghèo vay đạt 237 tỷ. Trong đó, dự án dành cho hộ Khmer nghèo nuôi bò sinh sản trị giá hơn 41 tỷ đồng, những hộ được vay trong dự án này được ngân sách tỉnh trả lãi trong ba năm. Dự án được triển khai cấp vốn từ tháng 7/2004 kéo dài đến hết năm 2006. Với định mức cho mỗi hộ vay là 10 triệu đồng để mua hai con bò cái sinh sản. Khi dự án đầu tư, mọi người tìm mua bò

cái để nuôi, nên đẩy giá bò cái sinh sản lên rất cao. Đặc biệt là bò cái lai sind, có lúc lên gần 20 triệu đồng/con; sau đó khi cơn sốt hạ xuống nếu đem bán tính theo giá bò thịt chỉ được khoảng 7 đến 8 triệu đồng. Người nuôi bị lỗ hơn một nửa⁽⁶⁾. Hay như năm 2016, giá bò thương phẩm giảm mạnh do việc nhập thịt bò từ nước ngoài về nhiều đã ảnh hưởng đến người chăn nuôi ở địa phương. Chẳng hạn như hộ Thạch K., đầu năm 2016, thương lái trả giá cho con bò thịt gần 400kg là 35 triệu thì chỉ hai tháng sau và kéo dài đến cuối năm 2016 giá con bò đó chỉ còn 20 triệu. Vào những mùa hạn hán, như năm 2016, giá rơm, thức ăn chủ yếu của bò tăng cao làm tăng chi phí chăn nuôi, cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của người nuôi bò. Ngoài ra, do số lượng vay vốn lớn nên trong quá trình nuôi nếu bò bị chết thì đây sẽ là một gánh nặng lớn cho người nông dân.

Như vậy, những hộ dân người Khmer được khảo sát tại huyện Trà Cú là những đối tượng dễ bị tổn thương vì nhiều lý do như đã phân tích ở trên. Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ người Khmer như một dân tộc

thiểu số và như là một đối tượng của chính sách xã hội. Các chính sách này quan tâm đến mọi mặt của đời sống người dân, từ đất đai, nhà ở, phát triển kinh tế, giáo dục, y tế đến văn hóa tộc người... Thế nhưng người Khmer vẫn còn nhiều bất ổn về sinh kế. Biểu hiện rõ rệt nhất là hiện tượng di cư lao động tạm thời. Đặc biệt, di cư lao động trẻ em là một chỉ báo cho sự bất ổn lâu dài trong đời sống người Khmer. Chính quyền các cấp đã có nhiều nỗ lực hỗ trợ người Khmer và phần nào đã cải thiện được cuộc sống của một bộ phận dân cư. Thế nhưng quá trình thực hiện vẫn còn nhiều yếu tố cản trở sự thành công của các chính sách như sự tham gia hạn chế của người Khmer vào các tổ chức chính trị - xã hội, vốn là tổ chức chủ yếu quản lý các nguồn hỗ trợ; rào cản ngôn ngữ tiếng Việt và rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, trình độ hạn chế của cán bộ thực thi chính sách ở địa phương, sự chậm trễ trong việc phân bổ nguồn vốn đến người dân, và chính sách chưa phù hợp với sự đa dạng của các cộng đồng cư dân cũng là các yếu tố góp phần làm giảm tính hiệu quả của các chính sách hỗ trợ. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài *Sinh kế của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh phát triển hiện nay*. Đây là đề tài khoa học và công nghệ của Đại học Quốc gia TP HCM, loại C, mã số C2016-18b-07, do Ngô Thị Phương Lan làm chủ nhiệm.

⁽²⁾ Tháng 5 năm 2015, Trà Cú tách hai xã Đôn Châu và Đôn Xuân sang huyện Duyên Hải. Công trình nghiên cứu này dựa vào số liệu thống kê của Chi cục Thống kê huyện Trà Cú giai đoạn 2011-2015.

⁽³⁾ Theo Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi được xác định theo ba khu vực: xã thuộc khu vực III là xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nhất; xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định; xã khu vực I là các xã còn lại

⁽⁴⁾ Quyết định số 749/QĐ-LĐTĐ ngày 15/5/2013 về việc phê duyệt điều tra kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2012.

⁽⁵⁾ Quyết định 74/2008/QĐ-TTg (vay vốn), Quyết định 29/2013/QĐ-TTg (hỗ trợ đất ở và đất sản xuất); Nghị định 20/1998/NĐ-CP và 02/2002/NĐ-CP (trợ giá giống cây con, trợ cước), Quyết định 102/2009/QĐ-TTg (hỗ trợ lúa giống, muối iod và tiền mặt), Quyết định 289/QĐ-TTg (2008-2010) (điện lưới quốc gia), Quyết định 18/2011/QĐ-TTg và Quyết định 56/2013/QĐ-TTg (công nhận và chăm sóc người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số), Quyết định 975/QĐ-TTg và 2472/QĐ-TTg (cấp phát báo chí), Quyết định 59/2012/QĐ-TTg, Quyết định 167/2008/QĐ-TTg từ 2009-2012 (hỗ trợ xây nhà); Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg (hỗ trợ nhà ở giai đoạn 2015-2020), Nghị định 134/2006/NĐ-CP (cử tuyển đại học, cao đẳng, trung học...), Nghị định 82/2010/NĐ-CP (dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên).

⁽⁶⁾ Phòng vấn lãnh đạo tỉnh Trà Vinh; Viện Chính sách và Chiến lược Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn http://agro.gov.vn/news/tlD2165_Tra-Vinh-Bo-sinh-san-khong-sinh-lai.html. Truy cập ngày 20/3/2017.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh. 2016. *Báo cáo kết quả thực hiện các chương trình- chính sách, dự án đầu tư trong vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2005-2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*.
2. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. 2013. *Quyết định số 749/QĐ-LĐTĐ* ngày 15/5/2013 về việc phê duyệt điều tra kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2012.
3. Huynh Trung Huy. 2009. "Analysis of Labor Migration Decisions: Its Determinants and Benefits, the Case of Khmer Families in Tra Vinh Province of Vietnam". *Deposited Working Paper Series*, No. 20.
4. Lê Minh Hải. 2013. *Triết lý nhân sinh của Phật giáo Nam Tông và ảnh hưởng của nó đối với đời sống tinh thần của cộng đồng người Khmer ở Kiên Giang*. Luận văn ngành Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.
5. Lê Thị Út Thanh. 2009. *Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lãnh đạo quá trình thực hiện chính sách dân tộc đối với người Khmer*. Luận văn ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.
6. Mạch Thị Khánh Trinh. 2009. *Xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở vùng dân tộc Khmer tỉnh An Giang*. Luận văn ngành Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.

7. Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp và Nguyễn Văn Diệu. 1997. *Văn hóa các dân tộc thiểu số*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
8. Nguyễn Thị Diễm My. 2013. *Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer từ 1992 đến 2012*. Luận văn ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.
9. Phan Thái Bích Thủy. 2014. “Thực trạng giáo dục tiếng Việt cho học sinh dân tộc Khmer tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang”. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 8(226)-2014.
10. Taylor P. 2007. “Poor Policies, Wealthy Peasants; Alternative Trajectories of Rural Development in Vietnam”. *Journal of Vietnamese Studies*, No. 2.
11. Taylor P. 2014. *The Khmer Lands of Vietnam: Environment, Cosmology and Sovereignty*. Asian Studies Association of Australia in Association with NUS Press and NIAS Press.
12. Ủy ban Nhân dân huyện - huyện ủy Trà Cú. 2016. *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2011-2015*.
13. Ủy ban Nhân dân xã Ngọc Biên. 2015. *Báo cáo kết quả thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2015*.
14. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. 1993. *Chính sách xã hội: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb. Khoa học Xã hội.
15. Võ Hữu Ngọc. 2012. *Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lãnh đạo thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào Khmer (1992 - 2010)*. Luận văn ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.